

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/01/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Quốc Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Như Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Mai Phương T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn ĐK, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Tổ VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt lần 02 không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024, nội dung bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Phương T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Phương T và anh Trần Hồng Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 50 ngày 01 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống tại tổ VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa

thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy các con dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Hồng Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Mai Phương T và anh Trần Hồng Q có 03 người con chung tên là: Trần Uyên T, sinh ngày 14/5/2019, Trần Ngữ Y, sinh ngày 14/5/2019 và Trần Bách K, sinh ngày 06/10/2022. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bách K (do cháu còn nhỏ), còn cháu Uyên T và Ngữ Y sẽ do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Hồng Q nêu quan điểm:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hồng Q và chị Mai Phương T qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2014, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình một thời gian, sau đó làm nhà ra ở riêng tại tổ VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa. Anh Q xác định cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn cho đến khoảng năm 2023-2024 thì chị T thay đổi tính cách, anh Q và gia đình có khuyên bảo nhưng không thể khắc phục được; anh Q đã rất tích cực để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T nhưng đến nay không khắc phục được, anh Q và chị T đã sống ly thân từ khoảng tháng 6/2024 cho đến nay. Chị T yêu cầu xin ly hôn anh Q không nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị T vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Hồng Q và chị Mai Phương T có 03 con chung tên là: Trần Uyên Thanh, sinh ngày 14/5/2019, Trần Ngữ Yên, sinh ngày 14/5/2019 và Trần Bách K, sinh ngày 06/10/2022. Trong trường hợp phải ly hôn, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Phương T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T trình bày ý kiến, quan điểm về quan hệ hôn nhân do xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng không thể khắc phục được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bách K (do cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi), nhất trí để cháu Trần Ngũ Yên và Trần Uyển Thanh cho anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Trần Hồng Q vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định), anh Q không có quan điểm, ý kiến gì thay đổi so với nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Phương T, cho chị Mai Phương T được ly hôn anh Trần Hồng Q. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Trần Hồng Q. Về con chung: Giao cháu Trần Uyển T, sinh ngày 14/5/2019, Trần Ngũ Y, sinh ngày 14/5/2019 cho anh Trần Hồng Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Bách K, sinh ngày 06/10/2022 cho chị Mai Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Hồng Q và chị Mai Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị Mai Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Trần Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Mai Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Hồng Q; Anh Trần Hồng Q có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐK, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Phương T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn anh Trần Hồng Q vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng). Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Phương T và anh Trần Hồng Q là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống tại tổ VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy các con dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Hồng Q. Anh Trần Hồng Q xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như chị T trình bày, tuy nhiên anh Q xác định thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn cho đến khoảng năm 2023-2024 thì chị T thay đổi tính cách, anh Q và gia đình có khuyên bảo nhưng không thể khắc phục được; anh Q đã rất tích cực để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T nhưng đến nay không khắc phục được, anh Q và chị T đã sống ly thân từ khoảng tháng 6/2024 cho đến nay. Chị T yêu cầu xin ly hôn anh Q không nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị T vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, không nhất trí ly hôn.

Qua quá trình xác minh tại địa phương Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị T và anh Q xác định thời gian xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng khác nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay thể hiện tại các biên bản xác minh ngày 08/11/2024 (BL số 38-39) ngày 12/11/2024 (BL số 41), vợ

chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa, anh Q không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc anh Q không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu thương thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Phương T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Hồng Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Hồng Q và chị Mai Phương T có 03 con chung là Trần Uyên T, sinh ngày 14/5/2019, Trần Ngữ Y, sinh ngày 14/5/2019 và Trần Bách K, sinh ngày 06/10/2022. Quá trình giải quyết chị T và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương xác định mức thu nhập bình Q của một người dân tại thôn ĐK, xã PB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trong năm 2024 là 36.800.000^d (*ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*)/người/năm; mức thu nhập bình Q của một người dân tại TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trong năm 2024 là 60.000.000^d (*sáu mươi triệu đồng*)/người/năm, chị T và anh Q là lao động tự do, không xác định được mức thu nhập cụ thể, cả anh Q và chị T không cung cấp được mức thu nhập của cá nhân hàng tháng là bao nhiêu. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để xác định mức thu nhập của chị T và anh Q qua nội dung xác minh tại địa phương là có căn cứ, xác định mức thu nhập của chị T và anh Q là như nhau, nên điều kiện nuôi con của chị T và anh Q là tương đương nhau; cháu Uyên T và Ngữ Y sinh đôi nên từ nhỏ đã chung sống cùng nhau, còn cháu Bách K hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt và tâm sinh lý của các con chung, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cần giao cháu Uyên T và Ngữ Y cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bách K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Q và chị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án; chị Mai Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Trần Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Phương T, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trần Hồng Q, cho chị Mai Phương T được ly hôn anh Trần Hồng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Uyên T, sinh ngày 14/5/2019 và cháu Trần Ngữ Y, sinh ngày 14/5/2019 cho anh Trần Hồng Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Bách K, sinh ngày 06/10/2022 cho chị Mai Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Hồng Q và chị Mai Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mai Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002003117 ngày 14/10/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000654 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (chị T đã nộp đủ tiền án phí). Anh Trần Hồng Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Các đương sự;*
- *UBND TT.VL (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh